

Bản án số: 29/2020/HS-ST
Ngày 18/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Lý Thuý Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2020/TLST- HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 theo Quyết Định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST- HS ngày 06/5/2020, đối với các bị cáo:

1- LÊ L, sinh ngày 20/10/1995 tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

ĐKKHKT: Tổ 12, phường C, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở hiện nay: Tổ 4, phường C, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

Con ông Lê D và bà Đặng Thị Ng; bị cáo có vợ là Nguyễn M và có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 06/9/2013 Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 99/2013/HSST);

Bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 13/8/2019 đến ngày 08/01/2020;

Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 4, phường C, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2- ĐẶNG T, sinh ngày 16/9/1989 tại xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

Con ông Đặng D1 và bà Đặng Thị U; bị cáo có vợ là Chu Thị Đ và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn M, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3- **TRẦN C**, sinh ngày 19/5/1988 tại xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

Con ông Trần T2 và bà Trần L2; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đàm Y; sinh năm 1994; trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* Người làm chứng: Anh Quốc S; sinh năm 1992; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 13/8/2019, Đặng T điều khiển xe mô tô BKS 19E1-21.999 (xe mô tô T mượn của Trần C) chở Quốc S (cư trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện S) đi đến ngã ba giao nhau giữa đường Quốc lộ 2 với đường dẫn cầu An Hòa (thuộc tổ 09, phường C, thành phố Tuyên Quang) với mục đích gặp Lê L để nhờ L mua hộ Methamphetamine về sử dụng. S đi cùng T nhưng T không nói cho S biết mục đích của T. Đi đến nơi, T đưa cho L số tiền 1.000.000 đồng để nhờ L mua hộ Methamphetamine (Quốc S không biết việc T nhờ L mua hộ Methamphetamine).

Trong số tiền 1.000.000 đồng mà T đưa cho L để mua ma túy, gồm có tiền của những người sau: T có 200.000 đồng; Trần C nhờ T mua hộ ma túy với số tiền 500.000 đồng; Đặng h1 (cư trú tại thôn M, xã Đ, huyện S) nhờ T mua hộ ma túy với số tiền 300.000 đồng (trong số 300.000 đồng mà h1 đưa cho T, h1 có 100.000 đồng và Hoàng Đ, cư trú tại thôn L, xã Đ, huyện S đưa cho h1 200.000 đồng để góp với h1 mua ma túy).

Sau khi L cầm số tiền 1.000.000 đồng từ T, L mượn xe mô tô BKS 19E1-219.99 mà T đang điều khiển để đi đến khu vực bờ đê Sông Lô, thuộc xã A, thành phố Tuyên Quang. L gặp 01 người đàn ông (theo L khai tên là “Ôp” không biết tên tuổi, địa chỉ) mua được của người đàn ông này 01 gói nilon màu trắng mép túi có viền màu đỏ và 01 ống nhựa màu xanh bịt kín hai đầu bên trong chứa

Methamphetamine với số tiền 1.000.000 đồng. L cất giấu số Methamphetamine trong người rồi điều khiển xe mô tô đi đến thôn A, xã A, thành phố T thì bị Tổ công tác Công an thành phố Tuyên Quang phát hiện bắt quả tang hồi 21 giờ 30 phút cùng ngày. L tự giác giao nộp 01 gói nilon màu trắng mép túi có viên màu đỏ và 01 ống nhựa màu xanh được hàn kín hai đầu bên trong chứa Methamphetamine.

Sau khi đưa tiền cho L và cho L mượn xe mô tô để L đi mua ma túy, T gọi điện thoại cho L nhiều lần nhưng không thấy L nghe điện thoại nên T và S đi về. Đến khoảng 10 giờ ngày 14/8/2019, Đặng h1 và Hoàng Đ đến hỏi T về việc mua ma túy thì T cho biết chưa mua được, h1 và Đ đã đòi lại số tiền 300.000đồng, T đã trả lại số tiền này cho h1 và Đ.

Tại Kết luận giám Đ số 588/GĐKTHS ngày 15/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- Số C tinh thể màu trắng trong túi nilon màu trắng thu giữ của Lê L gửi giám Đ là C ma túy, loại Methamphetamine, số thứ tự 323 thuộc danh mục IIC, Nghị Đ 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018; khối lượng 0,506g (Không phải năm không sáu gam);

- Số C tinh thể màu trắng trong ống nhựa thu giữ của Lê L gửi giám Đ là C ma túy, loại Methamphetamine, số thứ tự 323 thuộc danh mục IIC, Nghị Đ 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018; khối lượng 0,221g (Không phải hai hai một gam).

Tổng khối lượng 0,727g (Không phải bảy hai bảy gam) Methamphetamine.

Tiến hành xét nghiệm tìm C ma túy đối với Lê L, kết quả (+) dương tính (tức trong cơ thể L có C ma túy). L khai nhận ngày 10/8/2019 đã sử dụng Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSTP ngày 29 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Lê L, Đặng T, Trần C về tội “Tàng trữ trái phép C ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày luận tội giữ nguyên quyết Đ truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê L, Đặng T, Trần C phạm tội “Tàng trữ trái phép C ma túy”; áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt:

- Bị cáo Lê L từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2019 đến ngày 08/01/2020. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Bị cáo Đặng T từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Bị cáo Trần C từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong có chữ ký của bị cáo Lê L và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có Methamphetamine là mẫu giám Đ hoàn lại; trả lại cho bị cáo Lê L 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/5/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy Đ của pháp luật.

Các bị cáo Lê L, Đặng T, Trần C đều nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên; các bị cáo không trình bày lời bào chữa và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra và truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Bị cáo không thắc mắc, khiếu nại nội dung gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê L, Đặng T và Trần C khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố. Các bị cáo đều khẳng định trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đều tự nguyện và thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội, không oan.

Bị cáo C khai nhận khi biết T mua ma túy, bị cáo đã đưa cho T 500.000đồng để nhờ T mua ma túy cho bị cáo. Sau khi biết T không mua được ma túy không phải do lỗi của T nên bị cáo không hỏi lại T số tiền này.

Bị cáo T thừa nhận đã cầm số tiền 500.000 đồng của bị cáo C đưa và số tiền 300.000đồng của Đặng H1 đưa nhờ T mua ma túy, bản thân bị cáo T có 200.000đồng. Tổng cộng số tiền là 1.000.000đồng, bị cáo là người trực tiếp liên lạc với bị cáo L để nhờ L mua hộ ma túy.

Bị cáo L cũng thừa nhận bản thân đã cầm số tiền 1.000.000đồng từ bị cáo T và liên lạc với người đàn ông tên “Ôp” ở xã A mua được 0,727g (Không phải bảy hai bảy gam) Methamphetamine như bản Kết luận giám định là đúng, bị cáo không thắc mắc nội dung gì.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo Lê L,

Đặng T và Trần C đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng đua đòi, ham chơi nên vẫn cố ý thực hiện. Tổng trọng lượng ma túy mà L mua được là 0,727g (Không phải bảy hai bảy gam) Methamphetamine. Theo Thông tư liên tịch Số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP hướng dẫn áp dụng một số quy Đ tại Chương XVIII: Các tội phạm về ma túy của Bộ luật Hình sự quy định tại mục 3.7: “c) Người nào biết người khác đi mua chất ma túy để sử dụng trái phép mà gửi tiền nhờ mua hộ chất ma túy để sử dụng thì người nhờ mua hộ phải chịu trách nhiệm hình sự về số lượng chất ma túy đã nhờ mua hộ. Người đi mua phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số lượng chất ma túy đã mua cho bản thân và mua hộ”. Như vậy, L và T phải chịu trách nhiệm với khối lượng là 0,727g (Không phải bảy hai bảy gam) Methamphetamine. C phải chịu trách nhiệm với khối lượng đã gửi tiền nhờ mua hộ là 0,3635g (Không phải ba sáu ba năm gam) Methamphetamine. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lê L, Đặng T và Trần C phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Để có căn cứ quyết định hình phạt, HĐXX thấy: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, bàn bạc cụ thể. Bị cáo L là người trực tiếp cầm số tiền 1.000.000đồng để mua ma túy; bị cáo T là người cầm tiền của bị cáo C, h1 và Đ (tổng số tiền 1.000.000đồng) và trực tiếp liên hệ với L để mua ma túy về sử dụng nên bị cáo L và T có vai trò tương đương nhau. Song bản thân bị cáo L có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T. Bị cáo C là người nhờ mua ma túy với số tiền 500.000đồng nên chịu hình phạt tương đương với số lượng ma túy mà bị cáo nhờ mua với mục đích để sử dụng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về phòng chống tệ nạn xã hội, quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương nên cần phải đưa ra xét xử và áp dụng một mức hình phạt tù tương xứng đối với từng bị cáo mới có tác dụng riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Lê L đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2019 đến ngày 08/01/2020 nên khấu trừ thời gian này vào thời gian chấp hành hình phạt tù cho bị cáo L.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; không có tài sản gì có giá trị nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

[4] Trong vụ án này còn có Đặng h1 và Hoàng Đ là những người đưa tiền cho T nhờ T mua hộ ma túy. Sau đó thấy T nói chưa mua được ma túy, h1 và Đ đã đòi

lại số tiền mà h1 và Đ đưa cho T và T cũng đã trả tiền cho h1 và Đ. Đối với người đàn ông mà theo bị cáo Lê L khai có tên gọi là “Ôp” là người bán Methamphetamine cho bị cáo L. Quá trình điều tra xác Đ là Hoàng T3, sinh năm 1989, trú tại thôn A, xã A, thành phố T. Hiện tại h1, Đ và T3 không có mặt tại địa phương, thời hạn điều tra vụ án đã hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Tuyên Quang đã tách hành vi của h1, Đ và T3 để điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[5] Đối với Đàm Y là người có đưa cho Đặng h1 số tiền 200.000 đồng, h1 đã đưa số tiền này cho Đặng T để nhờ T mua ma túy. Nhưng Đàm Y không biết h1 sử dụng số tiền này vào mục đích mua ma túy nên không có căn cứ xử lý đối với Y.

[6] Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 10/8/2019 của bị cáo Lê L. Công an thành phố Tuyên Quang đã xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền (số tiền 500.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt). HĐXX thấy như vậy là phù hợp.

[7] Về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo:

- Về vật chứng: Đối với 01 phong bì đã niêm phong có chữ ký của bị cáo Lê L và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có Methamphetamine là mẫu giám định hoàn lại là vật cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy; Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, màu đen, điện thoại cũ, đã qua sử dụng của bị cáo Lê L cần trả lại cho bị cáo.

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/5/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Lê L, Đặng T, Trần C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Xử phạt:

- Bị cáo Lê L 01 năm 05 tháng tù. Khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2019 đến ngày 08/01/2020. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Bị cáo Đặng T 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Bị cáo Trần C 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong có chữ ký của bị cáo Lê L và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có Methamphetamine là mẫu giám định hoàn lại;

- Trả lại cho bị cáo Lê L 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/5/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

3. Căn cứ vào các Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Lê L, Đặng T và Trần C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Lê L, Đặng T và Trần C; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố TQuang;
- VKSND tỉnh TQuang;
- Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;
- Cơ quan THAHS TPTQuang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tquang;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang